

Phụ lục số 16: Thông báo về giá trị tài sản ròng quỹ đóng
Appendix No.16: Net Asset Value Report for Closed-end Fund

(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)
 (Issued with Circular No. 224/2012/TT-BTC of December 26th, 2012 from the Ministry of Finance's guidance on the establishment and management of closed-end fund, private fund)

Giá trị tài sản ròng quỹ
Net Asset Value of the Fund

(tuần từ ngày 07/02/2020 đến 13/02/2020)
 (Reporting period: from February 7th, 2020 to February 13th, 2020)

1. Tên công ty quản lý quỹ: Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Thiên Việt
 Fund Management Company: Thien Viet Asset Management JSC
2. Tên ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Hà Thành
 Custodian and Supervisory Bank: Bank for Investment and Development of Vietnam JSC, Hathanh Branch
3. Tên quỹ: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng TVAM
 Name of the fund: TVAM Growth Fund (TVGF)
4. Ngày lập báo cáo: 14/02/2020
 Reporting date: February 14th, 2020

Đơn vị tính/Unit: VND/%


STT No.	CHỈ TIÊU DESCRIPTION	KỶ BÁO CÁO REPORTING PERIOD (13/02/20)	KỶ TRƯỚC PREVIOUS PERIOD (06/02/20)
A	Giá trị tài sản ròng <i>Net asset value (NAV)</i>		
A.1	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ <i>Net asset value (NAV) at the beginning of period</i> của quỹ/the fund	159,680,047,521	164,159,539,314
	của một chứng chỉ quỹ/ per Certificate	10,645	10,944
A.2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ (*) <i>Net asset value (NAV) at the ending of period</i> của quỹ /the fund	162,429,182,225	159,680,047,521
	của một chứng chỉ quỹ/ per Certificate	10,829	10,645
A.3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trong kỳ, trong đó <i>Change in NAV per certificate during the period, in which</i>	184	-299
	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ/ <i>Change due to the fund's investment activities</i>	184	-299
	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ/ <i>Change due to the fund's income distribution for investors</i>	0	0
A.4	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất <i>Highest/Lowest NAV within the nearest 52 weeks</i>		
	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest value (VND)	215,791,004,238	215,791,004,238
	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest value (VND)	156,775,426,849	156,775,426,849
B	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ quỹ <i>Market value per certificate (closing price of the reporting day)</i>		
B.1	Giá trị đầu kỳ <i>Beginning value</i>	11,900	11,900
B.2	Giá trị cuối kỳ <i>Ending value</i>	11,900	11,900
B.3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước <i>Change in market value, compared with the previous period</i>	0	0
B.4	Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ/Difference between the unit's market price and its NAV		
	Chênh lệch tuyệt đối (VND)/Absolute difference (VND)**	1,071	1,255
	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))/ <i>Relative difference (level of discount (-)/surplus (+))***</i>	9.89%	11.79%
B5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất <i>Highest/ Lowest market value within the nearest 52 weeks</i>		
	Giá trị cao nhất (VND)/Highest value (VND)	16,000	16,000
	Giá trị thấp nhất (VND)/Lowest value (VND)	11,500	11,500

* Trong tháng 04/2019, Quỹ TVGF phải trả 30 tỷ đồng (2,000 đồng/Chứng chỉ quỹ) lợi tức năm 2018 bằng tiền cho Nhà Đầu Tư/In April 2019, TVGF paid 30 billion Vietnam dong (2,000VND/Fund certificate) in cash dividend for 2018 reporting period;

Lưu ý/Notes: ** Được xác định bằng chênh lệch (Giá thị trường – NAV cùng thời điểm)/Defined by the differences (market price - NAV at the same period);

*** Được xác định bằng tỷ số (Giá thị trường – NAV)/NAV/Defined by the ratio (market value - NAV)/NAV

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
 Authorised Representative of Supervisory bank



Ngô Thị Thu Cúc
 Phó Giám đốc/Deputy Director

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý quỹ
 Authorised Representative of Fund management



Nguyễn Thanh Thảo
 Chủ tịch HĐQT/Chairman